

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HN-ST

Ngày: 17 - 7 - 2017

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Chi

Ông Nguyễn Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: (không tham gia)

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2017/TLST-HN ngày 19/5/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: đường N, Khóm 1, Phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ liên hệ: đường 14/9, Phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: đường N, Khóm 1, Phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2017, bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Bà M và ông Nguyễn Minh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vĩnh Long vào ngày 04/11/2009. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, xảy ra cãi vã giữa vợ chồng. Bà M yêu cầu ly hôn ông T.

Bà M và ông T có một con chung tên Nguyễn Minh B, sinh ngày 12/6/2004. Cháu B hiện đang sinh sống cùng cha là ông T. Bà M đồng ý giao

ông T nuôi dưỡng cháu B. Bà M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án do ông T nhận trực tiếp. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận thông báo thụ lý, ông T không văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án. Tòa án hai lần tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do ông T nhận trực tiếp. Tuy nhiên, Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do ông T vắng mặt hai lần, không rõ lý do. Như vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà M khởi kiện ông T tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình. Bà M có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn ông T. Bị đơn Nguyễn Minh T có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi tố tụng dân sự. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo theo các quy định tại các Điều 28, 39, 69, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, vắng mặt ông Nguyễn Minh T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Bà M và ông T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vĩnh Long vào ngày 04/11/2009. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2007, do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, xảy ra cãi vã giữa vợ chồng. Nay bà M nhận thấy tình cảm vợ chồng không cải thiện, yêu cầu ly hôn ông T.

Ông T được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và hai lần thông báo mời dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông T vắng mặt không rõ lý do; không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Căn cứ lời trình bày cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà M, ông T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Hôn nhân của bà M, ông T đã không còn sự

tự nguyện của bà M. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M; bà M ly hôn ông Nguyễn Minh T.

[3] Bà M và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Minh B, sinh ngày 12/6/2004. Do cháu B hiện đang sinh sống cùng cha, bà M đồng ý giao ông T nuôi dưỡng cháu B. Bà M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung. Xét thấy, cháu B đã 13 tuổi, không thuộc trường hợp về nguyên tắc giao mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình chuẩn bị xét xử, cháu B cung cấp ý kiến, trình bày nguyện vọng muốn sống cùng cha là ông Nguyễn Minh T. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu bà M; giao ông T nuôi dưỡng cháu B. Bà M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc M nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 69, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Minh T ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc M giao một con chung tên Nguyễn Minh B, sinh ngày 12/6/2004 cho ông Nguyễn Minh T nuôi dưỡng. Bà M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cháu B.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc M nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0002590 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, nên bà M không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- UBND P5, TPVL:1;
- Lưu: 4.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

